

Bản án số: 308/2025/DS-PT

Ngày: 13 - 8 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền
sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán: Ông Ninh Quang Thế
Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thúy Nguyên, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 174/2025/TLPT-DS ngày 29 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 153/2025/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1935; CCCD số 079056009131 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội ngày 07/4/2021.

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Nay là xã K, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

- Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1978; CCCD số 096078023454 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 08/7/2021 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số H, đường D, khóm E, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường T, tỉnh Cà Mau).

- Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1963; CCCD số 096163005315 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 21/9/2022 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã K, tỉnh Cà Mau).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1978; CCCD số 096078009490 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/4/2022.

Bà bà Vũ Thị H, sinh năm 1981; CCCD số 096181009552 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 05/10/2022.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã K tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Huỳnh Ngọc H1, sinh năm 1971; CCCD số 0096071012334 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/8/2021 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã T, tỉnh Cà Mau).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã K, tỉnh Cà Mau).

2. Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã K, tỉnh Cà Mau).

3. Anh Nguyễn Vũ Tú N, sinh năm 2001 (vắng mặt).

4. Chị Nguyễn Vũ Phương T1, sinh năm 2002 (vắng mặt).

5. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1959 (chết ngày 22/7/2024)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Bà Lê Thị M, sinh năm 1935 (mẹ ruột bà G, vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã K, tỉnh Cà Mau).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn Ú, bà Vũ Thị H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Lê Thị M do người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Lê Thị M cùng chồng là ông Nguyễn Văn D khai phá phần đất diện tích 26.000m² trước năm 1975, tọa lạc tại ấp T, xã K, huyện T (nay là xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau). Ông, bà có 09 người con gồm ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Hồng T, ông Nguyễn Văn Đ1, ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Kim T3, bà Nguyễn Thanh T4, ông Nguyễn Văn Ú, bà Nguyễn Thị G và bà Nguyễn Hồng P. Năm 1990, ông D qua đời không để lại di chúc nên bà M cùng các con tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất nêu trên. Đến ngày 20/12/1995, bà M được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 26.000m². Sau đó, bà M tặng cho ông Nguyễn Văn Đ1, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Văn Ú mỗi người 02 công đất với tổng diện tích 10.745,1m², bà M đã giao đất nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất. Sau khi được tặng cho đất, ông Đ1, ông L chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất cho vợ chồng Ú, bà H. Do ông Ú và bà H cùng sống chung với và M nên đã cùng canh tác và quản lý trên phần đất của bà M còn lại và phần đất nhận chuyển nhượng của ông Đ1 và ông L. Vào năm 2015, bà M không có tặng cho đất vợ chồng ông Ú, bà H nhưng bà M không biết đã lẫn tay vào Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lúc nào mà ông Ú và bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên toàn bộ diện tích đất của bà M là 26.000m². Diện tích đất theo đo đạc thực tế hiện nay là 25.570m². Bà M sống với vợ chồng ông Ú đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, bà M muốn phân chia diện tích đất còn lại của bà M cho các con thì vợ chồng ông Ú không đồng ý. Do đó, bà M khởi kiện yêu cầu hủy một phần Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ký giữa bà M với ông Ú và bà H ngày 05/6/2015, buộc ông Ú, bà H giao trả cho bà M phần đất theo đo đạc thực tế là 14.824,9m².

Bị đơn, ông Nguyễn Văn Ú và bà Vũ Thị H do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Về nguồn gốc đất như bà M trình bày là đúng. Ông Ú là con sống chung với bà M từ nhỏ, đến năm 1999, ông Ú kết hôn với bà H nên vợ chồng ông Ú cùng tiếp tục chung sống với bà M và cùng quản lý, sử dụng phần đất hiện đang tranh chấp. Ông Ú thừa nhận, bà M có cho đất các con gồm ông L, ông Đ1, bà G và ông Ú mỗi người 02 công nhưng sau đó ông L, ông Đ1 đã chuyển nhượng lại cho ông Ú và bà H. Phần đất của bà G cho ông Ú và bà H thuê. Toàn bộ phần đất của ông L, ông Đ1, bà G và ông Ú được bà M tặng cho đều chưa làm thủ tục chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Ú, bà H cùng bà M tiếp tục quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất do bà M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có 02 công đất do bà M đang cô cho bà Phạm Thị L2 với giá 06 chỉ vàng 24k. Sau khi ông Ú và bà H đã trả vàng cho bà L2 để chuộc lại đất thì bà M và bà G đồng ý cho ông Ú và bà H toàn bộ phần đất còn lại của bà M và phần đất của bà G nên bà M đã đến UBND xã K để ký hợp đồng tặng cho ông Ú và bà M toàn bộ diện tích đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà M nên ông Ú và bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 05/6/2015. Việc bà M tặng cho đất, bà G, ông Đ1, ông L đều biết và thống nhất. Trong thời gian bà M sống với vợ chồng ông Ú, ông Ú chăm sóc bà M chu đáo đến năm 2023, bà T và bà T4 xin được đưa bà M về nhà bà T4 chơi vài tháng nhưng sau đó thì bà T cho rằng bà M đã ủy quyền cho bà T khởi kiện yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho đất và yêu cầu

ông Ú và bà H trả lại đất nên ông Ú và bà H không thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M. Yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện do yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho đất của bà M là hết thời hiệu khởi kiện nên yêu cầu Tòa án đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn Đ1 trình bày: Ông L và ông Đ1 và bà G được bà M cho mỗi người 02 công đất nằm trong quyền sử dụng đất của bà M nhưng chưa tách quyền sử dụng đất. Sau đó, ông L và ông Đ1 chuyển nhượng lại cho ông Ú và bà H. Phần đất còn lại của bà M, bà M đã tặng cho ông Ú và bà H vào năm 2015, khi bà M tặng cho đất ông Ú và bà H thì ông Đ1, ông L và bà G đều biết. Khi thực hiện thủ tục tặng cho đất, bà M còn minh mẫn. Ông L và ông Đ1 có đi cùng với bà M đến UBND xã K để bà M lặn tay vào đồng tặng cho đất ông Ú và bà H vào năm 2015 nên ông Ú được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay, bà G đã qua đời, ông Đ1 và ông L không có ý kiến gì đối với phần đất bà M đã tặng cho ông Ú và bà H và cũng không đặt ra yêu cầu trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Vũ Tú N và chị Nguyễn Vũ Phương T1 là con của ông Ú và bà H đều vắng mặt, không đặt ra yêu cầu trong vụ án. Bà Nguyễn Thị G đã qua đời ngày 22/7/2024 không có chồng con.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 153/2025/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M.

- Hủy một phần Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ký giữa bà Lê Thị M với ông Nguyễn Văn Ú và bà Vũ Thị H, được Ủy ban nhân dân xã K chứng thực ngày 05/6/2015.

- Buộc ông Nguyễn Văn Ú, bà Vũ Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Vũ Tú N, chị Nguyễn Vũ Phương T1 phải di dời đi nơi khác để giao trả cho bà Lê Thị M phần đất diện tích 14.824,9 m² (thửa 1: diện tích 2.698,9 m² đất ở nông thôn, đất trồng cây lâu năm, trong đó bà Lê Thị M được quyền sở hữu: nhà sau diện tích 90,4 m², nhà tạm diện tích 21,3 m², ½ diện tích của nhà trên 65,15 m², thửa 2: diện tích 12.126 m² đất trồng lúa).

- Ông Nguyễn Văn Ú và bà Vũ Thị H được quyền sử dụng phần đất diện tích 2.592 m² (thửa số 5, đất trồng lúa).

- Các đương sự được quyền liên hệ đến Cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Giao cho bà Lê Thị M quản lý số tiền 212.544.000 đồng phần giá trị phần đất của bà Nguyễn Thị G diện tích 2.592 m². Trường hợp có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết ở vụ án khác.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, ông ông Nguyễn Văn Ú, bà Vũ Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng quy định về thời

hiệu khởi kiện để hủy bản sơ thẩm. Trường hợp không áp dụng thời hiệu thì yêu cầu sửa án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Ú, bà H tự nguyện đóng góp nuôi bà M mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ú và bà Vũ Thị H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 153/2025/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ú, bà Vũ Thị H được thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ú và bà Vũ Thị H:

Ông Ú và bà H cho rằng bà M tặng cho đất ông Ú từ ngày 05/6/2015. Đến ngày 25/6/2015 ông Ú và bà H được điều chỉnh tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đến ngày 03/01/2023, bà M khởi kiện hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là hết thời hiệu khởi kiện. Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữ bà M1 với ông Ú và bà H vào ngày 05/6/2015, bà M lăn tay, ông Ú, bà H ký tên được UBND xã K chứng thực, ông Ú và bà H đã được chỉnh lý biên động sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 25/6/2015 với diện tích 26.000m². Trong thời gian này, bà M sống chung với vợ chồng ông Ú và bà H không có phát sinh tranh chấp đối với Hợp đồng tặng cho đất. Các con bà M là ông Đ1 và ông L thừa nhận đã cùng bà M đến UBND xã K để chứng thực Hợp đồng và các anh em đều biết và đồng ý việc bà M tặng cho đất ông Ú và bà H. Theo quy định tại điều Điều 429 BLDS năm 2015 quy định: “Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”. Do bà M tặng cho đất năm 2015 đến ngày 03/01/2023 mới làm đơn khởi kiện yêu cầu hủy một phần Hợp đồng tặng cho là hết thời hiệu khởi kiện. Ông Ú và bà H có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nhưng cấp sơ thẩm cho rằng đây là tranh chấp đòi lại tài sản nên không áp dụng thời hiệu, trong khi đó quan hệ tranh chấp được cấp sơ thẩm xác định là tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Do đó, cấp sơ thẩm không áp dụng thời hiệu khởi kiện và đã giải quyết toàn bộ nội dung của Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là không đúng, lẽ ra cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ xét xử theo quy định tại điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, do cấp sơ thẩm đã xem xét giải quyết toàn bộ nội dung vụ án tranh chấp về hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, đồng thời ông Ú và bà H cũng đã kháng cáo để yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết không chấp nhận yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nên cấp phúc thẩm xem xét nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Ú và bà H về

việc không đồng ý hủy một phần Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của bà M đối với ông Ú và bà H.

[3] Xét thấy, theo hợp đồng tặng cho đất ngày 05/6/2015 được Ủy ban nhân dân xã K chứng thực có chữ ký tên của ông Ú, bà H và bà M đã lẫn tay vào Hợp đồng tặng cho ông Ú, bà H toàn bộ diện tích đất là 26.000m² bao gồm các thửa 104, 105, 106, 107 tờ bản đồ số 8. Việc bà M đã đến UBND xã để lẫn tay được ông Đ1 và ông L thừa nhận đã đi cùng với bà M đến UBND xã K. Thừa nhận việc bà M tặng cho ông Ú và bà H diện tích 26.000m² đất là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, nội dung của hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất không có quy định về điều kiện tặng cho đất nhưng vợ chồng ông Ú và bà H là người sống chung với bà M cũng đã chăm sóc bà M và thực hiện tốt nghĩa vụ nuôi dưỡng bà M được nhiều người con của bà M xác nhận theo nội dung các giấy xác nhận do ông Ú cung cấp cho Tòa án để chứng minh ông Ú và bà H đã chăm sóc, nuôi dưỡng tốt bà M đến năm 2023. Do đó, bà M khởi kiện cho rằng do ông Ú và bà H không chăm sóc tốt bà M nên bà M yêu cầu hủy một phần Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là không có cơ sở.

[4] Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T5 là chị ông Ú cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà M thừa nhận hiện nay Nguyễn Thị T6 đưa bà M về chăm sóc tại nhà bà T6 do ông Ú và bà H không chăm sóc nuôi dưỡng bà M, nhưng bà T5 không có chứng cứ chứng minh. Ngày 04/8/2025, ông Ú và bà H làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 11 tỉnh Đồng Nai để xác định bà M không đủ năng lực hành vi dân sự để khởi kiện ông Ú và bà H yêu cầu Hủy một phần Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất do bà M đã cao tuổi không còn minh mẫn để làm đơn khởi kiện nhưng bà T5 không đồng ý để đưa bà M đi giám định. Bà T5 thừa nhận, trên phần đất bà M tặng cho ông Ú và bà H được ông Ú và bà H đầu tư cải tạo nhà đất, trồng cây trên đất, công trình, kiến trúc gắn liền với đất, theo kết quả định giá có giá trị 642.360.000 đồng, ông Đ1, ông L cũng thừa nhận và đã qua tất cả các anh em đều không ai có phản đối với toàn bộ phần đất do ông Ú và bà H quản lý và cải tạo sau khi được bà M ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và ông Ú và bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 05/6/2015. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà M về việc hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 05/6/2015. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, đồng thời giao cho bà M quản lý số tiền 212.544.000 đồng phần giá trị phần đất của bà Nguyễn Thị G diện tích 2.592 m² là không đúng. Trong khi bà G đã qua đời, không có chồng con, không có ai yêu cầu đòi với phần đất của bà G, ông Ú cho rằng phần đất của bà G, bà G đã tặng cho ông Ú trước khi qua đời nhưng tại cấp sơ thẩm, Tòa án có làm việc với bà G ngày 20/12/2023, bà G không thừa nhận đã tặng cho đất ông Ú và bà H. Phần đất bà M tặng cho bà G 02 công vẫn là của bà G, khi có điều kiện bà G sẽ thực hiện việc tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà G không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau đó, bà G qua đời, bà G không có chồng con nên không có ai yêu cầu gì đòi với phần đất của bà G, trong khi đó bà M chỉ khởi kiện ông Ú và bà H để yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nhưng cấp sơ thẩm định giá phần đất của bà G và buộc ông Ú giao cho bà M giá trị đất là không có cơ sở.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Ú và bà H yêu cầu được cấp dưỡng cho bà M mỗi tháng 5.000.000 đồng tính từ ngày xét xử cho đến khi bà M qua đời. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của ông Ú, bà H và không trái pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ú, bà Vũ Thị H được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ú, bà Vũ Thị H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 153/2025/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau).

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M về việc yêu cầu Huỷ một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ký giữa bà Lê Thị M với ông Nguyễn Văn Ú và bà Vũ Thị H, được Ủy ban nhân dân xã K chứng thực số 77 ngày 05/6/2015.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn Ú và bà Vũ Thị H hỗ trợ nuôi dưỡng cho bà Lê Thị M mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu) tính từ ngày xét xử phúc thẩm đến khi bà Lê Thị M qua đời.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị M phải chịu chi phí tố tụng số tiền 39.716.000 đồng, bà Lê Thị M đã nộp xong. Ông Nguyễn Văn Ú và bà Vũ Thị H không phải chịu chi phí tố tụng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Ú và bà Vũ Thị H không phải nộp, bà Lê Thị M là người cao tuổi được miễn nộp án phí.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Ú, bà Vũ Thị H không phải chịu. Ông Ú và bà H đã nộp 600.000 đồng theo biên lai số 0005587 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi

hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Phương Loan